

Biểu số 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 376/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (vốn NSTW)	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019 (NSTW)	Kế hoạch năm 2020			Giá trị giải ngân	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Chênh lệch tăng/giảm	Thuyết minh đề xuất	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó:	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW											Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=14-10	16	17		
	TỔNG SỐ				6.159.684	2.279.335	1.874.115	449.076	976.720	62.775		387.182	976.721	0				
A	VỐN ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU VÀ CÁC KHOẢN CHI CỤ THỂ				4.910.107	1.424.335	1.204.115	449.076	736.720	62.775		307.258	736.721	0				
A.1	Thu hồi ứng các dự án khôngthuộc Chương trình mục tiêu quy định tại Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg				734.630	171.773	64.094		57.557	57.557		39.522	57.558	0				
1	- Hạ tầng khu công nghiệp				229.276	47.304	23.094		23.093	23.093		5.058	5.058	-18.036				
	+ Đền bù khu CN. A1 xã Tân Qui Tây Sa Đéc	Cty phát triển nhà và Khu CN	2009-2012	428/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2009	3.455	3.481	25		25	25				-25	Chủ đầu tư đã giải thể			
	+ Đường từ khu C MR đến ĐT 848	Cty phát triển nhà và Khu CN	2009-2012	792/QĐ-UBND.HC ngày 13/6/2007	14.866	5.119	5.093		5.093	5.093				-5.093	Chủ đầu tư đã giải thể			
	+ Khu HC Thương mại - Du lịch	Trung tâm phát triển quỹ nhà đất	2007-2010	476/QĐ-UBND.HC, 11/9/2009 UBND Tỉnh	198	198	197		197	197		3	3	-194	Chủ đầu tư chưa bàn giao hồ sơ			
	+ Đường ĐT843 (Hệ Cầu Km 16-Km 44)	Ban QLDA Giao thông	2006-2010	1921/QĐ-UBND.HC ngày 20/12/2006	47.935	7.219	3.081		3.081	3.081		3.081	3.081					
	+ Khu Công Nghiệp Sông Hậu	Cty DOCIMEXCO	2006-2012	113/QĐ-UBND.HC, 01/8/2006 UBND Tỉnh	83.321	15.055	12.723		12.723	12.723				-12.723	Chủ đầu tư chưa bàn giao hồ sơ			
	+ Đường ra CK QT Dinh Bà (đường số 1)	Ban Quản lý Khu kinh tế	2009-2012	1598/QĐ-UBND.HC, 25/9/2009 UBND Tỉnh	23.638	1.749	1.417		1.417	1.417		1.417	1.417					
	+ Đường ĐT 845	Ban QLDA Giao thông	2005-2010	502/QĐ-UBND.HC, ngày 30/03/2005	21.676	232	232		232	232		232	232					
	+ Đường ĐT 855 (Hệ Cầu)	Ban QLDA Giao thông	2006-2012	1906/QĐ-UBND.HC ngày 19/12/2006	34.187	14.252	325		325	325		325	325					
2	- Hỗ trợ phát triển hệ thống giao thông nông thôn				233.819	86.000	26.000		26.000	26.000		26.000	26.000					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (vốn NSTW)	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019 (NSTW)	Kế hoạch năm 2020			Giá trị giải ngân	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Chênh lệch tăng/giảm	Thuyết minh đề xuất	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó:	
					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=14-10	16	17		
	+ Đường ĐT 855	Ban QLDA Giao thông	2006-2012	1906/QĐ-UBND.HC ngày 19/12/2006	34.187	10.300	10.300		10.300	10.300		10.300	10.300					
	+ Đường ĐT 853	Ban QLDA Giao thông	2005-2010	291 ngày 02/03/2005	125.065	62.310	2.310		2.310	2.310		2.310	2.310					
	+ Đường ĐT 852	Ban QLDA Giao thông	2008-2012	421 ngày 25/04/2008	74.567	13.390	13.390		13.390	13.390		13.390	13.390					
3	- Kè chống xói lở bờ sông tiền khu vực thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự (Vốn ADB)	Sở NN&PTNT	2012-2019	3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06/12/2011 của Bộ NN&PTNT	271.535	38.469	15.000		8.464	8.464		8.464	15.000	6.536	hoàn ứng vốn NSTW			
4	- Khu di tích mộ cụ Nguyễn Sinh Sắc												5.922	5.922	hoàn ứng vốn NSTW			
5	- Kè chống xói lở Sa Đéc giai đoạn 3 (Phương án xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục sự cố Kè chống xói lở giai đoạn 3, thị xã Sa Đéc: 69,765 tỷ đồng, trong đó NSTW là 55 tỷ đồng)												5000	5.000	hoàn ứng vốn NSTW			
6	- Hạn hán xâm nhập mặn												578	578	hoàn ứng vốn NSTW			
A.2	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				4.175.477	1.252.562	1.140.021	449.076	679.163	5.218		267.737	679.163					
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội các vùng				1.737.945	540.742	463.401	314.641	136.978	5.218		93.079	136.978					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2018				151.822	136.641	59.300	42.300	5.218	5.218		5.218	5.218					
a	Dự án nhóm B				151.822	136.641	59.300	42.300	5.218	5.218		5.218	5.218					
1	- Kè chống xói lở giai đoạn III, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2014-2018	737/QĐ-UBND.HC ngày 30/7/2013; 1118/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2013; 268/QĐ-UBND.HC ngày 07/3/2016 của UBND Tỉnh	151.822	136.641	59.300	42.300	5.218	5.218		5.218	5.218					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (vốn NSTW)	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019 (NSTW)	Kế hoạch năm 2020			Giá trị giải ngân	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Chênh lệch tăng/giảm	Thuyết minh đề xuất	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó:	
					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=14-10	16	17		
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020				1.586.123	404.101	404.101	272.341	131.760			87.861	131.760					
a	Dự án nhóm B				1.586.123	404.101	404.101	272.341	131.760			87.861	131.760					
1	- Đường ĐT 849 giai đoạn 1 (đoạn từ ĐT 848 đến Quốc lộ 80)	Sở GTVT	2017-2021	1320/QĐ-UBND-HC ngày 31/10/2017; 181/QĐ-UBND-HC ngày 8/3/2019 của UBND Tỉnh	202.569	100.000	100.000	65.000	35.000			27.870	35.000					
2	- Phòng chống sạt lở sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2018-2020	1257/QĐ-UBND.HC ngày 17/10/2017 của UBND Tỉnh; 255/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND Tỉnh	175.309	100.000	100.000	20.000	80.000			47.572	80.000					
3	- Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch và nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Sở GTVT	2017-2021	1164/QĐ-UBND.HC ngày 17/10/2016; 1259/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016; 1488/QĐ-UBND.HC ngày 13/12/2017 của UBND Tỉnh	1.208.245	204.101	204.101	187.341	16.760			12.419	16.760					
II	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư				337.697	180.000	180.000	51.235	128.765			33.458	128.765					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020				337.697	180.000	180.000	51.235	128.765			33.458	128.765					
a	Dự án nhóm B				337.697	180.000	180.000	51.235	128.765			33.458	128.765					
1	- Hệ thống đê bao nhằm ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	UBND HTN	2018-2022	1310/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	337.697	180.000	180.000	51.235	128.765			33.458	128.765					
III	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao				1.714.815	179.200	144.000	64.200	79.800			10.695	79.800					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020				132.688	61.800	61.800	49.200	12.600			8.865	12.600					
a	Dự án nhóm B				132.688	61.800	61.800	49.200	12.600			8.865	12.600					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (vốn NSTW)	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019 (NSTW)	Kế hoạch năm 2020			Giá trị giải ngân	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Chênh lệch tăng/giảm	Thuyết minh đề xuất	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó:	
					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=14-10	16	17		
1	- Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 2)	BQL Khu kinh tế ĐT	2016-2020	1213/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015; 1354/QĐ-UBND.HC ngày 08/11/2017 của UBND Tỉnh	132.688	61.800	61.800	49.200	12.600			8.865	12.600					
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020				1.582.127	117.400	82.200	15.000	67.200			1.830	67.200					
a	Dự án nhóm A				1.266.175	90.000	54.800		54.800			542	54.800					
1	- Hạ tầng khu công nghiệp Tân Kiều, huyện Tháp Mười	BQL Khu kinh tế ĐT	2017-2023	134/QĐ-TTg ngày 29/01/2010; 2433/QĐ-TTg ngày 13/12/2016 của TTCP; 1279a/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 và 1292/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND Tỉnh	1.266.175	90.000	54.800		54.800			542	54.800					
b	Dự án nhóm B				315.952	27.400	27.400	15.000	12.400			1.288	12.400					
1	- Cụm công nghiệp Tân Lập, huyện Châu Thành	BQL Khu kinh tế ĐT	2016-2020	1238/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016; 255/QĐ-UBND ngày 15/3/2018; 397/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND Tỉnh	315.952	27.400	27.400	15.000	12.400			1.288	12.400					
IV	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch				60.000	27.600	27.600	19.000	8.600			462	8.600					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020				60.000	27.600	27.600	19.000	8.600			462	8.600					
a	Dự án nhóm B				60.000	27.600	27.600	19.000	8.600			462	8.600					
1	- Hạ tầng phát triển du lịch sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2016-2020	VQG Tràm Chim	2016-2020	1225/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	60.000	27.600	27.600	19.000	8.600			462	8.600					
V	Chương trình mục tiêu Quốc gia				325.020	325.020	325.020		325.020			130.043	325.020					
B	VỐN DỰ KIẾN BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN SỬ DỤNG DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ KHOẢN 10.000 TỶ ĐỒNG TỪ NGUỒN ĐIỀU CHỈNH GIẢM VỐN CHO CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA				736.885	675.000	490.000		103.000			43.137	103.000					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (vốn NSTW)	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019 (NSTW)	Kế hoạch năm 2020			Giá trị giải ngân	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Chênh lệch tăng/giảm	Thuyết minh đề xuất	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó:	
					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=14-10	16	17		
I	Các dự án dự kiến sử dụng nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia				306.885	245.000	60.000		60.000			43.137	60.000					
1	- Kè Bình Thành đến Vàm phong Mỹ (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2017-2020	1506/QĐ-UBND.HC ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh	170.958	150.000	25.000		25.000			22.607	25.000					
2	- Kè Hồ cứ, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2018-2020	873/QĐ-UBND.HC ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh	135.927	95.000	35.000		35.000			20.530	35.000					
II	Các dự án dự kiến sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020				430.000	430.000	430.000		43.000				43.000					
1	- Cụm tuyến dân cư (chủ yếu ổn định dân di cư tự do từ Campuchia về nước)				430.000	430.000	430.000		43.000				43.000			36550		
	- Dự án Bố trí ổn định dân cư Giồng Dúi - Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự	UBND HHN	2020-2022	768/QĐ-UBND.HC ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh	69941	40000	40000		26000				26000			22100		
	- Dự án Bố trí ổn định dân cư Dinh Bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng	UBND HTH	2020-2022	761/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh	79960	30000	30000		17000				17000			14450		
C	Vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019				512.692	180.000	180.000		137.000			36.787	137.000			53780		
	- Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông Tiền khu vực xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXD CT nông nghiệp và PTNT tỉnh	2020-2021	298/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của UBND Tỉnh	68.791	35.000	35.000		35.000			35.000	35.000			13739,4		
	- Dự án Kè Hồ Cứ, xã Hoà An, thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và	2018-2021	759/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh	159000	35.000	35.000		35.000			376	35.000			13739,4		
	- Dự án Kè bờ từ đoạn Kè Bình Thành đến Vàm Phong Mỹ	Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và	2020-2023	760/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh	135000	40.000	40.000		40.000			1.411	40.000			15702,2		
	- Dự án Bố trí ổn định dân cư Giồng Dúi - Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự	UBND HHN	2020-2022	768/QĐ-UBND.HC ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh	69941	40.000	40.000		14.000				14.000			5495,77		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (vốn NSTW)	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019 (NSTW)	Kế hoạch năm 2020			Giá trị giải ngân	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Chênh lệch tăng/giảm	Thuyết minh đề xuất	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó:	
					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=14-10	16	17		
	- Dự án Bố trí ổn định dân cư Đình Bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng	UBND HTH	2020-2022	761/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh	79960	30.000	30.000		13.000				13.000			5103,21		